

Số: /TTr-CP

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2025

(Dự thảo)

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về các cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026 - 2030

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và chủ trương, định hướng của Đảng theo Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị, Chính phủ đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về các cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026-2030 và đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành Nghị quyết này và xem xét, bổ sung vào Chương trình lập pháp của Quốc hội năm 2025 (Kỳ họp thứ 10).

Chính phủ trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết với những nội dung cơ bản như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Tại Mục IV.3 Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết 70-NQ/TW) đã có chỉ đạo: “**Trưởng hợp cần thiết, trình Quốc hội ban hành Nghị quyết chuyên đề về các cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026-2030;**”.

Nghị quyết 70-NQ/TW cũng đã nêu: “...Chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng còn nhiều bất cập, **chậm sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện**, nhất là cơ chế, chính sách huy động nguồn lực cho phát triển năng lượng..., **quy hoạch điều chỉnh thiếu linh hoạt, chưa kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn**, việc **tổ chức thực hiện thiếu đồng bộ... Thủ tục hành chính còn rườm rà, phức tạp...**”. Mục tiêu đến năm 2030 phải bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia; cung cấp năng lượng đầy đủ, ổn định, chất lượng cao, giảm phát thải cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân, bảo vệ môi trường sinh thái.

Tại Văn bản số 8617/VPCP-CN ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao nhiệm vụ Bộ Công Thương xây dựng

Nghị quyết của Quốc hội về các cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026-2030 theo chủ trương, định hướng đã nêu tại Nghị quyết số 70-NQ/TW.

Vì vậy, đề thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, đề giải quyết các khó khăn, vướng mắc về mặt chính sách nêu trên và thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, cần thiết phải ban hành Nghị quyết của Quốc hội về các cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026-2030.

2. Cơ sở thực tiễn

Các luật liên quan (Luật Điện lực, Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Pháp lệnh ngoại hối và Cơ chế vay và trả nợ nước ngoài, ...) còn thiếu đồng bộ và chưa có các cơ chế đặc thù vượt trội để triển thu hút và triển khai các dự án năng lượng quan trọng, làm chậm tiến độ các dự án điện, đặc biệt là năng lượng tái tạo và hạ tầng truyền tải. Sau khi quy hoạch ngành quốc gia được duyệt, nhiều địa phương vẫn chưa thực hiện điều chỉnh quy hoạch tỉnh để cập nhật các dự án vào quy hoạch có tính kỹ thuật, chuyên ngành như quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch sử dụng đất để tổ chức không gian làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo, gây chậm trễ trong việc triển khai các dự án.

Luật Quy hoạch thiếu cơ chế điều chỉnh linh hoạt, chưa kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn, nhiều dự án không thực hiện điều chỉnh được đã ảnh hưởng đến tiến độ triển khai. Rất nhiều địa phương đề xuất bổ sung trạm biến áp, đường dây, điều chỉnh phương án đấu nối các nguồn điện để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng cao, nhưng chưa có quy định điều chỉnh linh hoạt nên các dự án vẫn còn vướng mắc.

Các địa phương chậm cấp chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư, do quy trình thủ tục nhiều, phức tạp; quy định pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư có nhiều thay đổi và chậm ban hành hướng dẫn; quy định pháp luật chưa rõ cơ quan nào sẽ lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư đối với các dự án lưới điện mà toàn dựa trên cơ sở các đơn vị có nhu cầu thì lập hồ sơ đề xuất, nên chưa mang tính chủ động và đồng bộ.

Nhiều địa phương còn lúng túng, không đủ nhân lực có trình độ chuyên môn để tổ chức thẩm định hồ sơ của các dự án mới được phân cấp, phân quyền nhất là các công trình cấp đặc biệt mà phải nhờ sự hỗ trợ của các cơ quan trung ương trong quá trình thực hiện.

Pháp luật về đầu tư hiện nay chưa có cơ chế giao doanh nghiệp nhà nước làm chủ đầu tư các dự án lưới điện truyền tải phục vụ cho nhu cầu xã hội chung, dẫn đến việc triển khai các dự án lưới điện truyền tải theo quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch vẫn còn chậm.

Đối với các dự án BOT điện, pháp luật hiện hành chưa có quy định về việc Chính phủ bảo lãnh cho nghĩa vụ của cơ quan có thẩm quyền và các doanh nghiệp nhà nước khi tham gia dự án. Pháp luật điều chỉnh hợp đồng dự án, Cơ chế về bảo đảm cân đối ngoại tệ, ngoại hối, vay và trả nợ nước ngoài hiện chưa đáp ứng được mong muốn của các nhà đầu tư. Cơ chế về giá điện, đồng tiền tính toán giá điện trong hợp đồng mua bán điện, ngôn ngữ ưu tiên sử dụng trong các hợp đồng dự án, cơ chế phân bổ rủi ro chưa đủ hấp dẫn để thu hút đầu tư và huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tài chính quốc tế, các tổ chức tín dụng nước ngoài. Những nội dung này là những nội dung phát sinh trên thực tiễn theo yêu cầu của các nhà đầu tư để huy động vốn vay nước ngoài. Tuy nhiên, xét về tác động tiêu cực, có 1 nội dung trong những nội dung đã nêu gây rủi ro cho phía Việt Nam là Pháp luật điều chỉnh hợp đồng dự án, cụ thể như sau:

- Điều 55 Luật PPP quy định: “Hợp đồng dự án PPP và các phụ lục hợp đồng, các văn bản có liên quan khác được ký kết giữa cơ quan nhà nước Việt Nam với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam. Đối với những vấn đề pháp luật Việt Nam không có quy định, các bên có thể thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng dự án PPP trên cơ sở không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.”

- Nhà đầu tư yêu cầu: “Các bên trong dự án được lựa chọn luật Anh điều chỉnh những vấn đề pháp luật Việt Nam không có quy định”.

- Việc lựa chọn pháp luật nước ngoài (Luật Anh) để điều chỉnh/giải thích hợp đồng dự án (bao gồm cả GGU) tiềm ẩn nhiều rủi ro cho phía Việt Nam. Các cơ quan của Việt Nam không nắm rõ pháp luật nước ngoài. Vì vậy, sẽ có nhiều rủi ro về mặt pháp lý đối với phía Việt Nam, đặc biệt là trong trường hợp có xảy ra tranh chấp.

Việc quy định pháp luật điều chỉnh/giải thích hợp đồng dự án là pháp luật nước ngoài sẽ dẫn đến việc Việt Nam bị phụ thuộc vào việc thay đổi, điều chỉnh của pháp luật nước ngoài. Với đặc điểm của các hệ thống pháp luật án lệ, việc thay đổi pháp luật có thể diễn ra thường xuyên hơn, thông qua quyết định của tòa án. Do đó, phía Việt Nam không có khả năng phòng vệ, chuẩn bị đối với các thay đổi trong tương lai đối với hệ thống pháp luật nước ngoài.

Đối với việc hoàn thiện cơ chế để tháo gỡ khó khăn và thu hút, phát triển các dự án nhiệt điện khí sử dụng khí LNG nhập khẩu:

- Ngày 13/8/2025, Bộ Công Thương đã chủ trì tổ chức cuộc họp với các chủ đầu tư các dự án nhiệt điện khí LNG và các đơn vị liên quan; tại cuộc họp, phần lớn các chủ đầu tư đều có báo cáo về khó khăn và kiến nghị một số nội dung để tháo gỡ, trong đó tập trung vào: (i) Xem xét áp dụng cơ chế giá điện 2 thành phần (công suất và điện năng); (ii) Xem xét áp dụng cơ chế cam kết sản lượng điện huy động (bao tiêu); (iii) Xem xét điều chỉnh sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn theo hướng cao hơn mức 65% và kéo dài thời gian áp dụng (thay vì chỉ áp

dụng trong thời hạn không quá 10 năm).

- Bộ Công Thương nhận thấy, theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, các dự án nhiệt điện khí sử dụng khí LNG nhập khẩu sẽ là các nguồn điện nền quan trọng, góp phần bảo đảm cung cấp điện và hỗ trợ tích cực để tích hợp quy mô lớn các nguồn điện năng lượng tái tạo vào hệ thống điện quốc gia trong tương lai, góp phần đáp ứng cho các mục tiêu tăng trưởng kinh tế, xã hội và bảo đảm cung cấp điện. Đối với các kiến nghị của các chủ đầu tư tại cuộc họp ngày 13/8/2025, Bộ Công Thương đánh giá cần thiết rà soát, đề xuất Quốc hội xem xét ban hành quy định cụ thể cơ chế về sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn cho các dự án nhiệt điện khí sử dụng LNG nhập khẩu để tháo gỡ các khó khăn cho các dự án nhiệt điện khí LNG trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và phù hợp với các chủ trương định hướng tại Nghị quyết số 70-NQ/TW về phát triển thị trường điện cạnh tranh.

Về cơ chế mua bán điện trực tiếp: Căn cứ Luật Điện lực 2024, Bộ Công Thương đã trình Chính phủ ban hành các Nghị định quy định, hướng dẫn chi tiết làm căn cứ triển khai các chính sách, quy định tại Luật. Ngày 21/8/2025, Bộ Công Thương đã chủ trì Hội nghị trực tuyến và trực tiếp Sơ kết về triển khai cơ chế mua bán điện trực tiếp tại Nghị định số 57/2025/NĐ-CP, đồng thời Bộ Công Thương cũng đã có văn bản gửi lấy ý kiến các địa phương và đơn vị có liên quan về việc đánh giá tình hình triển khai Nghị định hướng dẫn chi tiết Luật Điện lực. Kết quả đánh giá sơ bộ cho thấy Nghị định đã được triển khai đồng bộ, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, làm cơ sở thúc đẩy phát triển các hoạt động điện lực trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện Nghị định, địa phương, doanh nghiệp đã phản ánh đề nghị làm rõ và/hoặc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Qua công tác rà soát các đề xuất, kiến nghị, Bộ Công Thương đã tổng hợp một số nội dung cần sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn triển khai cơ chế mua bán điện trực tiếp.

Về phát triển điện gió ngoài khơi: Việt Nam chưa có các dữ liệu khảo sát cơ bản phục vụ phát triển điện gió ngoài khơi; Thiếu sự đồng bộ của hạ tầng cảng cho phát triển điện gió ngoài khơi vào năm 2030. Do đó, cần có cơ chế đặc thù vượt trội để đẩy nhanh tiến độ triển khai, thực hiện dự án điện gió ngoài khơi trong quy hoạch đã duyệt, đặc biệt là các dự án có kế hoạch vận hành vào năm 2030 và năm 2035, bao gồm: (i) cơ chế thực hiện có chọn lọc đấu thầu cạnh tranh kết hợp với giao thực hiện; (ii) Chính sách pháp lý hỗ trợ và cơ chế đột phá cho phát triển điện gió ngoài khơi; (iii) Cơ chế giao nhiệm vụ cho một số doanh nghiệp lớn nhà nước, tư nhân có uy tín, thương hiệu, có thực lực để thực hiện nhiệm vụ phát triển điện gió ngoài khơi quy mô lớn gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo; (iv) Cơ chế để xử lý chi phí của doanh nghiệp nhà nước được giao khảo sát, giao nhiệm vụ lập hồ sơ để tổ chức đấu thầu nhưng dự án không được thực hiện.

Hiện nay, Bộ Công Thương nhận được rất nhiều đề xuất thực hiện khảo sát hiện trường, chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án điện gió ngoài khơi từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp đã có văn bản thống kê vướng mắc liên quan đến việc khảo sát điện gió ngoài khơi như Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng quốc gia Việt Nam, Hội đồng Năng lượng gió toàn cầu, cụ thể như sau:

- Một số quy định chi tiết về cơ chế hoàn trả chi phí, xử lý chi phí, quyền tham gia đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao khảo sát điện gió ngoài khơi;

- Quy định, quy trình, nội dung thực hiện khảo sát, lập chủ trương đầu tư dự án điện gió ngoài khơi.

Với các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực tế các dự án như nêu trên, trong giai đoạn 2026-2030, nhu cầu điện dự kiến sẽ tiếp tục tăng cao nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở mức hai con số, khả năng cung ứng điện phụ thuộc rất nhiều vào việc phát triển các nguồn điện chạy nền (nhiệt điện than, điện khí LNG) và nguồn điện năng lượng tái tạo, đặc biệt là các nguồn điện tại khu vực miền Bắc. Nghị quyết số 70-NQ/TW cũng đã đề ra mục tiêu đến năm 2030 phải bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia; cung cấp năng lượng đầy đủ, ổn định, chất lượng cao, giảm phát thải cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân, bảo vệ môi trường sinh thái. Do đó, nếu không tháo gỡ kịp thời sẽ có nguy cơ thiếu điện cho sản xuất và sinh hoạt của người dân, tác động lớn đến an ninh năng lượng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Bên cạnh đó, Bộ Công Thương cũng đã có Báo cáo số 246/BC-BCT ngày 22 tháng 8 năm 2025 về tình hình triển khai Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII), báo cáo Thủ tướng Chính phủ về một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các dự án nguồn điện, lưới điện; các điểm nghẽn, bất cập về chính sách hiện nay và đề xuất giải pháp trong thời gian tới.

Như vậy, để thể chế hóa các quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, khắc phục những tồn tại, hạn chế và kịp thời giải quyết các vấn đề mới của thực tiễn phát triển, việc ban hành Nghị quyết về các cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026-2030 là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Ban hành Nghị quyết nhằm tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn, vướng mắc về thể chế, cơ chế, chính sách; bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia vững chắc, góp

phần thực hiện thành công Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2026-2030 và các mục tiêu phát triển bền vững.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Quán triệt đầy đủ các quan điểm chỉ đạo, định hướng của Đảng và chính sách của Nhà nước về tháo gỡ khó khăn phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026-2030, bảo đảm an ninh năng lượng là trụ cột của phát triển bền vững. Quán triệt quan điểm mới về xây dựng, hoàn thiện thể chế và hệ thống quy phạm pháp luật trong giai đoạn hiện nay.

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ và hiệu lực của hệ thống pháp luật; bảo đảm sự minh bạch, khả thi. Kế thừa và phát huy các quy định đã chứng minh được tính phù hợp, hiệu quả trong thực tiễn; đồng thời bổ sung các quy định mới, có tính chất đặc thù để tháo gỡ khó khăn phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026-2030. Rà soát, thay thế những quy định không còn phù hợp hoặc chưa đáp ứng trong thực tế.

- Năng lượng phải đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm cung ứng đủ, ổn định với giá thành hợp lý; gắn phát triển năng lượng với bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, thực hiện cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính.

- Quốc hội ban hành Nghị quyết làm cơ sở chính trị - pháp lý thống nhất, tháo gỡ vướng mắc lớn mà cấp Chính phủ, bộ, ngành chưa đủ thẩm quyền giải quyết.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Luật số 64/2025/QH15), Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức xây dựng dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

1. Trên cơ sở nghiên cứu, tổng hợp ý kiến của các đơn vị có liên quan, Bộ Công Thương đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết, gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan và các tỉnh, thành phố (Công văn số... ngày 24 tháng 9 năm 2025); đồng thời đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương theo quy định.

2. Trên cơ sở ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan liên quan và các địa phương, Bộ Công Thương đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, trình Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định tại Công văn số... ngày ... tháng 10 năm 2025.

3. Bộ Công Thương đã tổ chức công tác truyền thông đối với dự thảo Nghị quyết. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương đã hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, trình Chính phủ xem xét, trình Quốc hội.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công Thương xây dựng Nghị quyết của Quốc hội

về các cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026-2030, trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10 (tháng 10 năm 2025) theo chủ trương, định hướng tại Nghị quyết số 70-NQ/TW. Dự thảo Nghị quyết tập trung vào các cơ chế đặc thù để tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai các dự án, bảo đảm triển khai ngay.

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Về phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định về một số cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, bao gồm: điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện; đầu tư xây dựng dự án điện lực; phát triển điện gió ngoài khơi; hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu năng lượng.

b) Về đối tượng áp dụng: Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động điện lực, sử dụng điện hoặc có hoạt động khác liên quan đến điện lực tại Việt Nam.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội, bao gồm 07 Chương, 17 Điều.

Chương I. Quy định chung, bao gồm 03 điều, từ Điều 1 đến Điều 3.

Chương II. Điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, bao gồm 02 điều, từ Điều 4 đến Điều 5.

Chương III. Đầu tư xây dựng dự án điện lực, bao gồm 03 điều, từ Điều 6 đến Điều 9.

Chương IV. Phát triển điện gió ngoài khơi, bao gồm 04 điều, từ Điều 10 đến Điều 13.

Chương V. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu năng lượng, bao gồm 01 điều, Điều 14.

Chương VI. Cơ chế Mua bán điện trực tiếp, bao gồm 01 điều, Điều 15.

Chương VII. Điều khoản thi hành, bao gồm 02 điều, từ Điều 16 đến Điều 17.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

a) Chương I về Quy định chung

Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ để bảo đảm cách hiểu thống nhất đối với một số thuật ngữ được sử dụng trong dự thảo Nghị quyết.

b) Chương II. Điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện

Pháp luật về quy hoạch đã quy định các trường hợp điều chỉnh quy hoạch theo chu kỳ (5 năm) và điều chỉnh quy hoạch theo quy trình rút gọn. Tuy nhiên, vẫn chưa giải quyết được vấn đề quy hoạch mang tính linh hoạt theo tinh thần chỉ đạo đã nêu tại Nghị quyết 70-NQ/TW.

Nghị quyết quy định rõ nguyên tắc và căn cứ điều chỉnh quy hoạch linh hoạt; quy trình và thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch linh hoạt. Nghị quyết quy định trách nhiệm của Bộ Công Thương quy định chi tiết thành phần hồ sơ, quy trình xin ý kiến hồ sơ điều chỉnh quy hoạch linh hoạt.

c) Chương III. Đầu tư xây dựng dự án điện lực

Chương này quy định đối với các dự án, công trình điện lực đã có trong quy hoạch phát triển điện lực không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư là cơ sở để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng, tác động vào rừng.

Đối với các dự án, công trình lưới điện truyền tải trong quy hoạch phát triển điện lực, Thủ tướng Chính phủ quyết định giao doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp do doanh nghiệp này nắm giữ 100% vốn điều lệ làm chủ đầu tư.

Các trường hợp giao Nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, ngoài đối tượng đã được quy định tại Luật Điện lực hiện hành.

Bổ sung một số cơ chế áp dụng cho các dự án BOT điện nhằm đáp ứng được mong muốn của các nhà đầu tư và tăng tính hấp dẫn để thu hút được nguồn vốn từ các tổ chức tài chính quốc tế, các tổ chức tín dụng nước ngoài.

Bổ sung quy định về cơ chế đặc thù vượt trội và tháo gỡ khó khăn cho các dự án nhiệt điện khí sử dụng khí LNG nhập khẩu, trong đó tập trung vào cơ chế sản lượng điện tối thiểu dài hạn và thời gian áp dụng.

d) Chương IV. Phát triển điện gió ngoài khơi

Chương này quy định một số nội dung về điện gió ngoài khơi, bao gồm: việc xử lý chi phí khảo sát, lập đề xuất chủ trương đầu tư khi cấp có thẩm quyền giao doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện; quy định thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh trên cơ sở điểm gom công suất hoặc điểm tiếp bờ của dự án; quy định giao Bộ trưởng Bộ Công Thương có thẩm quyền trong việc quy định diện tích khảo sát, diện tích sử dụng; quy định giao Chính phủ có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách cao hơn so với quy định hiện hành; cơ chế giao nhiệm vụ cho một số doanh nghiệp lớn nhà nước, tư nhân có uy tín, thương hiệu, có thực lực để thực hiện nhiệm vụ phát triển điện gió ngoài khơi quy mô lớn gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo; quy định trách nhiệm của nhà đầu tư phải ký quỹ thực hiện dự án; quy định giao trách nhiệm đơn vị mua điện công bố công khai nội dung chính của hợp đồng mua bán điện của dự án điện gió ngoài khơi.

đ) Chương V. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu năng lượng

Thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW, yêu cầu “Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia đáp ứng yêu cầu phát triển

năng lượng bền vững, hiệu quả và an toàn”. Theo đó, cần thiết phải xây dựng hệ thống thông tin năng lượng Việt Nam để phục vụ cho cơ quan quản lý nhà nước về công tác quản lý, giám sát, tăng hiệu quả trong công tác bảo đảm cân bằng năng lượng, báo cáo tổng hợp, dự báo, cảnh báo, ... và hỗ trợ việc quyết định ban hành các chính sách tối ưu để phát triển năng lượng tổng thể, ngắn hạn và dài hạn để phục vụ phát triển nền kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên mới.

Hệ thống thông tin năng lượng Việt Nam được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, hoàn thành trước 2030.

e) Chương VI. Cơ chế mua bán điện trực tiếp

Chương này tập trung quy định để thúc đẩy và triển khai hiệu quả hơn cơ chế mua bán điện trực tiếp theo đúng tinh thần Nghị quyết số 70-NQ/TW về tập trung huy động mọi nguồn lực xã hội, khuyến khích mạnh mẽ khu vực tư nhân tham gia phát triển năng lượng, bao gồm các nội dung chính sau: mở rộng đối tượng áp dụng (bên mua điện), bổ quy định về khung giá đối với trường hợp mua bán điện trực tiếp qua lưới điện kết nối riêng và quy định rõ hơn trách nhiệm của Bộ Công Thương trong việc quy định quy mô khách hàng sử dụng điện lớn khi tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp thông qua lưới điện kết nối riêng hoặc cơ chế mua bán điện trực tiếp thông qua lưới điện quốc gia.

g) Chương VII. Điều khoản thi hành

Quy định trách nhiệm của Chính phủ và các cơ quan liên quan trong việc ban hành các Nghị định hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị quyết, giám sát thực hiện Nghị quyết.

Quy định hiệu lực của Nghị quyết từ ngày tháng năm 2025.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

Không có

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

a) Nguồn kinh phí

Kinh phí thi hành Nghị quyết từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Nguồn nhân lực

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan tổ chức thi hành Nghị quyết, do vậy, sau khi Nghị quyết được ban hành và có hiệu lực, không làm phát sinh tổ chức hành chính mới, không tăng biên chế, nguồn nhân lực cơ bản đáp ứng yêu cầu của công tác triển khai thi hành Nghị quyết.

c) Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

- Để bảo đảm hiệu quả thi hành, sau khi Nghị quyết được thông qua, Chính phủ sẽ chỉ đạo các Bộ, ngành và địa phương nghiêm túc, khẩn trương triển khai thi hành Nghị quyết.

- Chính phủ sẽ ban hành nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết này (nếu có); rà soát hệ thống pháp luật có liên quan bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả thực thi.

2. Thời gian trình thông qua

Do thực hiện yêu cầu cấp bách để tháo gỡ khó khăn phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026-2030, yêu cầu xây dựng Nghị quyết của Quốc hội được nêu tại Nghị quyết số 70-NQ/TW, dự thảo Nghị quyết được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua đối với dự thảo Nghị quyết này tại Kỳ họp thứ 10 theo quy trình một kỳ họp.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về các cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026-2030, Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị quyết)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- PTTgCP Bùi Thanh Sơn;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban KH, CN&MT của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tư pháp;
- VPCP: BTCN, PCN, Trợ lý TTg;
- Lưu: VT, CN (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính